

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 212, Điều 213, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 14 tháng 7 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 60/2025/TLST- KDTM, ngày 09/6/ 2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V (V1). Địa chỉ trụ sở: Số H L, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội (nay là phường Đ, Thành phố Hà Nội).

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức danh: Chủ tịch Hội đồng Quản trị V1.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A – Chức vụ: Phó giám đốc trung tâm xử lý nợ pháp lý, theo Văn bản ủy quyền số 38A/2020/UQ-HĐQT ngày 01/6/2024 của ông Ngô Chí D. Đại diện theo ủy quyền lại: Ông Ma Văn M, CCCD số 025088001452; bà Nguyễn Thị Thanh H, CCCD số 030199004856; ông Nguyễn Quang H1, CCCD số 0356813084 (giấy ủy quyền số 1308/2023/UQN-VPBANK, ngày 19/11/2024)

2. Bị đơn: Công ty TNHH T; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0108674935 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố H cấp đăng ký lần đầu ngày 29/03/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày

14/11/2023; Địa chỉ: Tầng B số E Q, phường P, quận H, Thành phố Hà Nội (nay là phường D, Thành phố Hà Nội).

Đại diện theo pháp luật: Ông Chu Văn N, sinh năm 1987; CCCD số 001087027247. ĐKHKT: Vô Khuy, C, B, Hà Nội (nay là thôn V, xã B, Thành phố Hà Nội). Chức vụ: Giám đốc.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Chu Văn N, sinh năm 1987; CCCD số 001087027247. ĐKHKT: Thôn V, xã C, huyện B, Hà Nội (nay là thôn V, xã B, Thành phố Hà Nội).

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về số nợ và trách nhiệm trả nợ của Hợp đồng tín dụng số CLC-11901-01 ngày 22/01/2024:

- Công ty TNHH T còn nợ lại và có trách nhiệm trả nợ cho V1 số tiền tạm tính đến ngày 14/7/2025, là: Nợ gốc: 194.999.711 đồng; Nợ lãi trong hạn: 4.846.928 đồng; Nợ lãi quá hạn: 44.179.459 đồng; Nợ phạt chậm trả lãi: 4.719.344 đồng. Tổng: 248.745.442 đồng.

- Công ty TNHH T tiếp tục chịu lãi phát sinh kể từ ngày 15/7/2025 theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ cho đến ngày Công ty TNHH T thực tế thanh toán hết nợ.

2. Về số nợ và trách nhiệm trả nợ của Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho KHDN số 2112 ngày 21/12/2023:

- Công ty TNHH T còn nợ lại và có trách nhiệm trả nợ cho V1 số tiền tạm tính đến ngày 14/7/2025, là: Nợ gốc: 86.558.004 đồng; Nợ lãi: 40.716.247 đồng. Tổng: 127.274.251 đồng.

- Công ty TNHH T tiếp tục chịu lãi phát sinh kể từ ngày 15/7/2025 theo lãi suất thỏa thuận trong Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho KHDN số 2112 ngày 21/12/2023 cho đến ngày Công ty TNHH T thực tế thanh toán hết nợ.

3. Về Biện pháp bảo đảm cho hai khoản nợ tại mục 1, mục 2 của Công ty TNHH T tại V1: Trong trường hợp Công ty TNHH T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho V1, thì ông Chu Văn N có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty TNHH T toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền lãi chậm trả và các khoản phát sinh liên quan đến các Hợp đồng tín dụng nêu trên.

4. Về án phí:

- Bị đơn – Công ty TNHH T tự nguyện chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm là 9.400.000 đồng.

- Hoàn trả lại cho V1 số tiền tạm ứng án phí là 7.600.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0045426 ngày 09/6/2025 tại Chi cục thi hành

án dân sự quận Hà Đông, thành phố Hà Nội (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 6 – Thành phố Hà Nội).

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND khu vực 6;
- Phòng THADS TP. Hà Nội – khu vực 6;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Tuyết Mai